

Bản án số: 68/2018/HSST
Ngày: 23/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU- TP. ĐÀ NẴNG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kim Cúc.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Phạm Hùng**

2. Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoài Bảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 23/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 59/2018/HSST ngày 11/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Đăng T; Sinh ngày: 01/4/2000, tại tỉnh Q; Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện L, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đăng Đ và bà Trương Thị M ; Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn V ; Sinh ngày: 04/6/1998, tại tỉnh Q; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn M và bà Võ Thị L .

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 04/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện ĐakRông, tỉnh Quảng Trị xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Buôn lậu”, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày 04/5/2016.

Bị cáo bị bắt ngày 02/4/2018. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Anh Ứng Minh L – Sinh năm: 1989. Địa chỉ: K109/32 đường P , phường H, quận L, thành phố Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Mai Thế Q – Sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ 23, phường H, quận L, thành phố Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h00’ ngày 02/02/2018, Trần Đăng T từ phòng trọ của mình tại K109/42 đường P, phường H đi bộ ra quán tạp hóa để mua thuốc lá, thì thấy tại phòng trọ K109/32 đường P có 01 chiếc xe mô tô BKS: 76C1 - xxx.xx của anh Ứng Minh L , trú thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Q đang dựng trước phòng trọ, T đi đến vị trí chiếc xe mô tô trên và nhìn vào trong phòng thì thấy không có ai, trên bàn sát cửa sổ có 01 chìa khóa xe máy nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô trên. Sau đó, T đi bộ về phòng trọ của mình và rủ Lê Văn V (ở cùng phòng trọ) trộm cắp chiếc xe mô tô trên, T nói “phòng trọ bên kia có chiếc xe và có chìa khóa, giờ tao với mi qua lấy đem đi bán” thì lúc này V nói “Ừ, mi qua lấy đi”, T nói với V ở phòng đóng cửa và ra cổng đợi rồi cả hai đem xe đi bán. Sau đó, T đi qua lại dãy trọ K109/32 đường P đưa tay vào bên trong cửa sổ lấy chìa khóa xe để trên bàn rồi đến vị trí chiếc xe mô tô BKS: 76C1 - xxx.xx mở được khóa xe, T điều khiển xe mô tô về phòng trọ và gọi V ra cùng đi tìm nơi tiêu thụ chiếc xe. T điều khiển xe chở V từ phòng trọ ra đường Tôn Đức Thắng về hướng Ngã ba Huế. Khi vừa qua khỏi trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng thì T dừng xe lại và cùng V mở cốp xe ra thì thấy có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của chiếc xe trên. Sau đó, V chở T quay về hướng Hòa Khánh, khi đến cửa hàng mua bán xe máy cũ tại số 621 đường T, phường Hòa Khánh Nam thì T và V đem chiếc xe vào gặp anh Mai Thế Q, trú tổ 23, phường H, quận Liên Chiểu và thỏa thuận mua bán với giá 3.000.000 đồng. Sau đó, T và V đi bộ về lại phòng trọ, số tiền bán xe thì T và V đã tiêu xài hết. Tại Cơ quan điều tra, T và V khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Đăng T, Lê Văn V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ông nội của Trần Đăng T là người có công cách mạng; thời điểm phạm tội Trần Đăng T là người chưa thành niên.

Tang vật tạm giữ:

- 01 xe máy Suzuki Viva, màu xanh trắng BKS: 76C1 - xxx.xx;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy BKS: 76C1 - xxx.xx mang tên Ứng Thị Mỹ L;

- 01 giấy bán xe ngày 02/02/2018 mang tên Võ Xuân Đ.

Theo Kết luận số: 18/KL-HĐĐG và biên bản xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt ngày 06/02/2018 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Liên Chiểu kết luận: giá trị sử dụng còn lại của 01 xe mô tô Suzuki Viva BKS: 76C1 - xxx.xx là 13.800.000 đồng.

Về vật chứng:

Qua điều tra, xe mô tô Suzuki Viva BKS: 76C1 - xxx.xx là của chị Ứng Thị Mỹ L, trú xã B, huyện B, tỉnh Q cho anh ruột là Ứng Minh L mượn để làm phương tiện đi lại. Ngày 17/5/2018, chị L có giấy ủy quyền cho anh Ứng Minh L toàn quyền giải quyết mọi vấn đề liên quan đến chiếc xe.

Ngày 21/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận Liên Chiểu ra Quyết định xử lý vật chứng số: 46/CSĐT trả lại cho anh Ứng Minh L : 01 xe mô tô Suzuki Viva BKS 76C1 - xxx.xx (kèm theo chìa khóa); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy BKS: 76C1 - xxx.xx mang tên Ứng Thị Mỹ L. Anh L đã nhận những đồ vật nêu trên và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với 01 giấy bán xe ngày 02/02/2018 mang tên Võ Xuân Đ, quá trình điều tra, Trần Đăng T khai nhận do sợ bị phát hiện nên đã ghi tên không đúng vào giấy bán xe, cần quy trừ tại hồ sơ vụ án để đảm bảo giải quyết đúng pháp luật.

Về dân sự: Ngày 27/4/2018, gia đình các bị cáo T và V đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh Mai Thế Q số tiền 3.000.000 đồng từ việc mua bán chiếc xe. Anh Q đã nhận tiền và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 10/6/2018 bị cáo Trần Đăng T, Lê Văn V bị Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS..

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo Trần Đăng T, Lê Văn V , đề nghị HĐXX:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101, điều 65 BLHS. Xử phạt: Trần Đăng T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS. Xử phạt: Lê Văn V từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về vật chứng:

Qua điều tra, xe mô tô Suzuki Viva BKS: 76C1 - xxx.xx là của chị Ứng Thị Mỹ L, trú xã B, huyện B, tỉnh Q cho anh ruột là Ứng Minh L mượn để làm phương tiện đi lại. Ngày 17/5/2018, chị L có giấy ủy quyền cho anh Ứng Minh L toàn quyền giải quyết mọi vấn đề liên quan đến chiếc xe.

Ngày 21/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận Liên Chiểu ra Quyết định xử lý vật chứng số: 46/CSĐT trả lại cho anh Ứng Minh L 01 xe mô tô Suzuki Viva BKS 76C1 - xxx.xx (kèm theo chìa khóa); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy BKS: 76C1 - xxx.xx mang tên Ứng Thị Mỹ L. Anh L đã nhận những đồ vật nêu trên và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với 01 giấy bán xe ngày 02/02/2018 mang tên Võ Xuân Đ, quá trình điều tra, Trần Đăng T khai nhận do sợ bị phát hiện nên đã ghi tên không đúng vào giấy bán xe, cần quy trừ tại hồ sơ vụ án để đảm bảo giải quyết đúng pháp luật.

Về dân sự: Ngày 27/4/2018, gia đình các bị cáo T và V đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh Mai Thế Q số tiền 3.000.000 đồng từ việc mua bán chiếc xe. Anh Quang đã nhận tiền và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Đăng T, Lê Văn V đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T, V cho rằng cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội. Các bị cáo đã thấy được sai trái, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 19h00’ ngày 02/02/2018, sau khi phát hiện xe mô tô BKS: 76C1 - xxx.xx của anh Ứng Minh L dựng tại dãy trọ K109/32 đường P, thuộc phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu không có người trông coi, Trần Đăng T đi bộ về phòng trọ và rủ Lê Văn V cùng tham gia trộm cắp chiếc xe mô tô trên thì V đồng ý, sau đó T đi lấy trộm chiếc xe trên và cùng với V đi tìm nơi tiêu thụ. Tổng giá trị

tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 13.800.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Hành vi của bị cáo Trần Đăng T, Lê Văn V đã bị Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Xét tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Mặc dù bị cáo Trần Đăng T, Lê Văn V nhận thức rõ việc xâm phạm tài sản của người khác sẽ bị pháp luật trừng trị, nhưng do muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo bất chấp. Tài sản bị cáo T, V trộm cắp trị giá 13.800.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, đã phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS. Trong vụ án này Trần Đăng T là người trực tiếp lấy tài sản, nhưng khi phạm tội T còn ở độ tuổi vị thành niên. Do đó đối với bị cáo cần phải xử phạt với mức án nghiêm minh là cần thiết, mới có đủ tác dụng giáo dục riêng và ngăn ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Nhân thân bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, thái độ khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo T có công với cách mạng, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho anh Mai Thế Q là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan, nên xét chiếu cố giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị cáo Trần Đăng T khi phạm tội còn ở độ tuổi chưa thành niên, hiện bị cáo đang làm công nhân may công nghiệp tại Công ty dệt may Huế - Chi nhánh Q nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao về chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Đối với bị cáo Lê Văn V có nhân thân xấu nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Trong vụ án này, anh Mai Thế Q nhận mua chiếc xe mô tô BKS: 76C1 - xxx.xx mà T và V mang đến bán, nhưng anh Q không biết chiếc xe này là do các bị cáo trộm cắp mà có, sau khi biết đây là tài sản trộm cắp, anh Q đã giao nộp chiếc xe cho Cơ quan Công an nên Cơ quan CSĐT Công an quận Liên Chiểu không xử lý là có căn cứ.

[5] Về vật chứng:

Ngày 21/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận Liên Chiểu ra Quyết định xử lý vật chứng số: 46/CSĐT trả lại cho anh Ứng Minh L : 01 xe mô tô Suzuki Viva BKS 76C1 - xxx.xx (kèm theo chìa khóa); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy BKS: 76C1 - xxx.xx mang tên Ứng Thị Mỹ L. Anh L đã nhận những đồ vật nêu trên và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Đối với 01 giấy bán xe ngày 02/02/2018 mang tên Võ Xuân Đ, quá trình điều tra, Trần Đăng T khai nhận do sợ bị phát hiện nên đã ghi tên không đúng vào giấy bán xe, cần quy trữ tại hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 27/4/2018, gia đình các bị cáo T và V đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh Mai Thế Q số tiền 3.000.000 đồng từ việc mua bán chiếc xe. Anh Quang đã nhận tiền và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Trần Đăng T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST, bị cáo Lê Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo Trần Đăng T, Lê Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98, khoản 1 Điều 101, Điều 65 BLHS.

Xử phạt:

- Trần Đăng T **09 (Chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18 (Mười tám)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo Trần Đăng T về Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt:

- Lê Văn V **09 (Chín)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/4/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 giấy bán xe ngày 02/02/2018 mang tên Võ Xuân Đ, quá trình điều tra, Trần Đăng T khai nhận do sợ bị phát hiện nên đã ghi tên không đúng vào giấy bán xe, cần quy trữ tại hồ sơ vụ án.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn).

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng người bị hại, người có quyền L nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

(Đã giải thích chế định án treo đối với bị cáo Trần Đăng T)

Nơi nhận:

- Viện KSND quận Liên Chiểu;
- Viện KSND TP. Đà Nẵng;
- Chi cục T.H.A DS Q.Liên Chiểu;
- Công an quận Liên Chiểu;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc